

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
(MECO JSC)

..... @

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 4 NĂM 2021

Báo cáo gồm có:

- 1. Bảng cân đối kế toán – Mẫu số B01-DN*
- 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh – Mẫu số B02-DN*
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ – Mẫu số B03-DN*
- 4. Thuyết minh báo cáo tài chính – Mẫu số B09-DN*

HÀ NỘI – 2022



CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà nội
Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
I	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		289,574,802,993	553,657,226,147
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11,542,381,596	1,005,767,736
1. Tiền	111	V.01	11,542,381,596	1,005,767,736
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	237,300	710,823,067
1. Chứng khoán kinh doanh	121		237,860	710,823,067
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(560)	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		228,498,057,335	454,899,278,145
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	87,266,578,508	238,356,388,407
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10,857,142,632	40,403,335,960
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		7,315,803,868	700,663,090
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	147,945,418,695	304,898,634,348
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(24,886,886,368)	(129,459,743,660)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	47,910,663,113	91,045,535,517
1. Hàng tồn kho	141		47,910,663,113	155,363,668,838
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			(64,318,133,321)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,623,463,649	5,995,821,682
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	126,758,334	46,535,832
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,496,705,315	5,949,285,850
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		302,923,039,383	346,503,049,730
I. Tài sản cố định	220		12,223,421,335	15,964,335,303
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	12,223,421,335	15,964,335,303
- Nguyên giá	222		89,172,071,482	95,657,892,528
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(76,948,650,147)	(79,693,557,225)
II. Bất động sản đầu tư	230		103,352,786,862	106,101,801,634
- Nguyên giá	231		132,036,029,974	132,036,029,974
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(28,683,243,112)	(25,934,228,340)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	-	721,443,057
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			721,443,057
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	187,346,831,186	223,715,469,736
1. Đầu tư vào công ty con	251		14,650,290,029	28,150,290,029
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		206,080,000,000	210,287,240,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9,891,470,000	9,891,470,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(43,274,928,843)	(24,613,530,293)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		592,497,842,376	900,160,275,877

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội
Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		403,351,655,122	674,813,523,035
I. Nợ ngắn hạn	310		251,351,655,122	443,538,217,964
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	81,816,442,524	199,544,597,613
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10,484,086,242	54,308,847,294
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	17,998,149,104	38,653,248,035
4. Phải trả người lao động	314		735,084,085	1,053,384,651
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	37,695,182,499	40,735,668,862
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	90,379,546,417	93,106,427,400
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	320,640,000	7,785,563,576
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3,969,753,718	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7,952,770,533	8,350,480,533
II. Nợ dài hạn	330		152,000,000,000	231,275,305,071
1. Phải trả dài hạn khác	337		152,000,000,000	215,000,000,000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11		15,725,305,071
3. Trái phiếu chuyển đổi	339			550,000,000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		189,146,187,254	225,346,752,842
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	189,146,187,254	225,346,752,842
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		575,100,000,000	575,100,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575,100,000,000	575,100,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32,960,749,348	32,960,749,348
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(73,426,398,513)	(73,426,398,513)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		28,817,258,755	28,817,258,755
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(374,305,422,336)	(338,104,856,748)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(355,107,395,466)	(338,104,856,748)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(19,198,026,870)	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		592,497,842,376	900,160,275,877

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG



NGUYỄN NGỌC BÌNH

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội
Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Quý 4 năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Kỳ này	Kỳ trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	45,491,643,512	24,316,320,711	107,407,529,535	86,993,585,935
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10		45,491,643,512	24,316,320,711	107,407,529,535	86,993,585,935
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	38,652,065,804	19,514,396,536	105,327,156,742	73,274,012,333
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		6,839,577,708	4,801,924,175	2,080,372,793	13,719,573,602
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2,683,724	269,738,071	1,028,447,774	1,480,830,429
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	12,417,223,364	8,885,145,936	18,760,794,195	9,837,141,113
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			154,902,966	97,031,320	518,977,764
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	1,027,002,493	1,958,718,009	6,072,915,266	6,858,392,895
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	30		(6,601,964,425)	(5,772,201,699)	(21,724,888,894)	(1,495,129,977)
11. Thu nhập khác	31	VI.07	14,046,400,182	1,450,936,261	14,351,839,865	1,686,204,114
12. Chi phí khác	32	VI.08	26,638,486,774	701,152,125	28,823,540,706	1,653,661,809
13. Lợi nhuận khác	40		(12,592,086,592)	749,784,136	(14,471,700,841)	32,542,305
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(19,194,051,017)	(5,022,417,563)	(36,196,589,735)	(1,462,587,672)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	3,975,853		3,975,853	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(19,198,026,870)	(5,022,417,563)	(36,200,565,588)	(1,462,587,672)
- Lợi nhuận chia cho bên hợp tác KD						
- Lợi nhuận thực			(19,198,026,870)	(5,022,417,563)	(36,200,565,588)	(1,462,587,672)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG



NGUYỄN NGỌC BÌNH

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BÁT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, Trường Chinh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 03 - DN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của
BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2021

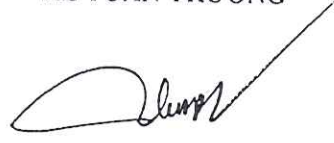
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LƯU KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN KỶ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(36,196,589,735)	(1,462,587,672)
2. Điều chỉnh cho các khoản			(140,461,640,776)	(187,879,743,919)
- Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02		4,943,089,020	5,153,568,617
- Các khoản dự phòng	03		(146,259,837,785)	(192,709,169,606)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			88,708,149
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		758,076,669	(931,828,843)
- Chi phí lãi vay	06		97,031,320	518,977,764
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(176,658,230,511)	(189,342,331,591)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		331,830,201,376	179,485,583,961
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		107,453,005,725	52,774,607,899
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp)	11		(236,807,719,312)	(33,645,145,367)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(80,222,502)	(10,078,910)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		710,585,207	(368,573,067)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5,837,204,272)	(470,175,416)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9,299,766,573)	(5,238,168,405)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(397,710,000)	(451,800,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10,912,939,138	2,733,919,104
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(54,545,455)	(2,016,369,300)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		401,363,637	
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16,119,526,778)	(6,405,663,090)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20,437,427,096	
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		17,917,602,000	22,400,000,000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		231,582,869	931,828,843
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		22,813,903,369	14,909,796,453
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ đi vay	33		39,870,000,000	15,980,923,576
- Tiền trả nợ gốc vay	34		(63,060,228,647)	(33,650,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23,190,228,647)	(17,669,076,424)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		10,536,613,860	(25,360,867)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,005,767,736	1,031,144,482
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			(15,879)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	11,542,381,596	1,005,767,736

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2022

CHỦ TỊCH HĐQT


PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

NGUYỄN NGỌC BÌNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2021

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Xây dựng, dịch vụ, sản xuất
3. Ngành nghề kinh doanh:

- Về cơ khí và điện: chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m³/h; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
- Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi: hồ đầu mối, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường; Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
- Về thương mại và dịch vụ: kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ Hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lưu hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
- Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát, thăm dò và chế biến (trừ các Khoáng sản Nhà nước cấm);
- Khoan phụt vữa, xi măng, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân đê, than đập công trình thủy lợi, thủy điện;
- Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
- Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý, máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mô địa chất

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

-
- và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
 - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
 - Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
 - Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
 - Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;
 - Môi giới bất động sản;
 - Định giá bất động sản;
 - Sàn giao dịch bất động sản;
 - Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
 - Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
 - Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).
4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:
5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính
6. Cấu trúc doanh nghiệp
- Danh sách các công ty con*
- Công ty CP Cơ khí Văn Lâm
 - Công ty CP Khoáng sản MECO
- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết*
- Công ty CP Đầu tư Thủy điện An pha
- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc
- Chi nhánh Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tại Thanh Hóa
 - Chi nhánh Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam (TP. Hà nội)
 - Chi nhánh Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tại tỉnh Tuyên Quang
7. Tuyên bố về khả năng so sánh của thông tin trên Báo cáo tài chính:
- Số liệu đầu năm được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.
- II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
1. Kỳ kế toán năm
- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính 2021 là năm tài chính thứ 16 của Công ty kể từ khi chuyển đổi hình thức sang công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty CP năng lượng và bất động sản MCG tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh: được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

c) Các khoản cho vay: Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

d) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

▪ Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

▪ Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) được lập vào cuối niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BÁT ĐỘNG SẢN MCG
Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh to việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 6

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Riêng chi phí đi vay để đầu tư xây dựng dự án khu nhà ở cao tầng và văn phòng Dự án tại 102 Trường Chinh được vốn hóa vào giá trị công trình.

7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

-
- 8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**
- Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.
- Riêng đối với công cụ dụng cụ được phân loại lại do không đủ tiêu chuẩn là Tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.
- 9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**
- Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo nếu:
- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
 - Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- 10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**
- Các khoản vay nợ thuê tài chính được theo dõi theo kỳ hạn phải trả. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được phân loại là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.
- 11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**
- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ trừ các trường hợp chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.
- 12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**
- Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**
- Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp, riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.
- 14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**
- Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.
- 15. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi**
- Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước.
- Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế TNDN sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động xây lắp: các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Doanh thu kinh doanh bất động sản được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đã được hai bên ký kết và bàn giao mốc giới.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Thu nhập khác gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng được xác định theo dự toán đầu tư.

Đối với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong kỳ đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và Xí nghiệp, Chi nhánh và được áp dụng nhất quán cho các kỳ trong suốt quá trình thi công từng công trình.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí tài chính khác.

Chi phí tài chính được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói sản phẩm và các chi phí bán hàng khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BÁT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Báo cáo theo bộ phận: Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BÁT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

		Cuối kỳ	Đầu năm
1- Tiền			
- Tiền mặt		764,404,626	773,863,709
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		10,777,976,970	231,904,027
Cộng		11,542,381,596	1,005,767,736

2- Các khoản đầu tư tài chính:

	Cuối kỳ		Dự phòng	Đầu năm		Dự phòng
	Giá gốc	Giá hợp lý		Giá gốc	Giá hợp lý	
a) Chứng khoán kinh doanh:						
- Tổng giá trị cổ phiếu	237,860	237,300	(560)	710,823,067	724,131,850	
+ Cổ phiếu Ngân hàng Vietinbank	237,860	237,300	(560)	710,823,067	724,131,850	
+ Cổ phiếu Công ty cổ phần Licogi 16	237,860	237,300	(560)	679,836,719	691,241,850	
				30,986,348	32,890,000	

- Số lượng chứng khoán kinh doanh nắm giữ cuối kỳ như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
+ Cổ phiếu Ngân hàng Vietinbank	7	20,007
+ Cổ phiếu Công ty cổ phần Licogi 16		2,200

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối kỳ		Dự phòng	Đầu năm	
	Dự phòng	Giá trị		Dự phòng	Giá trị
- Đầu tư vào công ty con					
+ Công ty CP Cơ khí Văn Lâm	(7,785,532,786)	8,048,082,953			8,048,082,953
+ Công ty CP khoáng sản MECO	(6,602,207,076)	6,602,207,076	(6,602,207,076)		6,602,207,076
+ Công ty CP Xây dựng MCG					13,500,000,000
Cộng	(14,387,739,862)	14,650,290,029	(6,602,207,076)		28,150,290,029

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Cuối kỳ		Dự phòng	Đầu năm	
	Dự phòng	Giá gốc		Dự phòng	Giá gốc
+ Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha	(23,012,372,362)	206,080,000,000	(13,893,047,114)		206,080,000,000
+ Công ty CP XD TL MECO Sài Gòn			(518,276,103)		4,207,240,000
Cộng	(23,012,372,362)	206,080,000,000	(14,411,323,217)		210,287,240,000

- Đầu tư vào đơn vị khác

	Cuối kỳ		Giá gốc	Đầu năm	
	Dự phòng	Giá hợp lý		Dự phòng	Giá hợp lý
+ Công ty CP ĐT và PT các KCN Hà Tĩnh	1,050,000,000	(1,050,000,000)	1,050,000,000	(1,050,000,000)	
+ Công ty CP đầu tư và phát triển điện Meco	2,250,000,000	2,250,000,000	2,250,000,000		2,250,000,000
+ Công ty CP Cơ điện và XD Hoà Bình	2,241,470,000	(2,241,470,000)	2,241,470,000		2,241,470,000
+ Công ty CP BP Tư vấn và đầu tư XD	1,800,000,000	(33,346,619)	1,766,653,381		1,800,000,000
+ Công ty CP Văn nhân tạo Yên Bái	2,550,000,000	(2,550,000,000)	2,550,000,000	(2,550,000,000)	
Cộng	9,891,470,000	(5,874,816,619)	4,016,653,381	9,891,470,000	(3,600,000,000)

- Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn

	Cuối kỳ	Hoàn nhập	Trích lập dự	Đầu năm
	(43,274,928,843)		(18,661,398,550)	(24,613,530,293)

- Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ

Trong kỳ Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp 13.500.000.000 đồng tại Công ty CP xây dựng MCG (tên cũ Công ty CP bất động sản Meco) cho ông Nguyễn Ngọc Bình với giá bán 13.500.000.000 đồng.

Trong kỳ Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp 4.207.240.000 đồng tại Công ty CP xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn cho ông Nguyễn Ngọc Bình với giá bán 4.417.602.000 đồng.

3- Phải thu của khách hàng

	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	44,771,016,449	177,466,040,237
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	42,495,562,059	60,890,348,170
Công ty CP Đầu tư Thủy điện An Pha		
Phải thu về tiền sản lượng		
Phải thu về tiền điện nước và thuê mặt bằng	23,033,873,592	10,545,165,978
Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO		
Phải thu về tiền sản lượng thi công xây lắp, thanh lý tài sản XD CBBDD	15,109,856	
Công ty CP Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam		
	925,682,068	925,682,068

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BÁT ĐỘNG SẢN MCG
Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Tiền điện nước

Tiền thuê mặt bằng

107,531,002 65,013,144
30,811,983,913

Công ty CP Cơ khí Văn Lâm

Phải thu về tiền cho thuê nhà xưởng và thu khác

18,413,365,541 18,542,503,067

Cộng

87,266,578,508 238,356,388,407

4- Phải thu khác

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Tạm ứng	76,261,807,748	9,706,896,548	101,775,424,879	12,268,942,323
- Phải thu khác	61,294,137,651		62,254,609,338	
	14,967,670,097	9,706,896,548	39,520,815,541	12,268,942,323
Phải thu khác là các bên liên quan	71,683,610,947	-	203,123,209,469	-
Công ty CP Xây dựng MCG	-	-	141,780,800,000	-
Công ty CP Cơ khí Văn Lâm	120,365,437	-	69,676,256	-
Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha	5,522,510	-	-	-
Dự án Dương Nội	-	-	-	-
Công ty CP thủy điện Khánh Khê	1,500,000,000	-	46,930,800,213	-
Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Phải thu tạm ứng	6,744,023,000	-	1,500,000,000	-
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Phải thu tạm ứng	63,000,000,000	-	12,778,233,000	-
Ông Trần Hải Anh - Phải thu tạm ứng	40,000,000	-	-	-
Ông Nguyễn Văn Huyền - Phải thu tạm ứng	273,700,000	-	40,000,000	-
Cộng	147,945,418,695	9,706,896,548	304,898,634,348	12,268,942,323

5- Nợ xấu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể	Giá gốc	Giá trị có thể
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá	24,886,886,368	-	129,459,743,660	-

6- Hàng tồn kho

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi trên đường	-	-	5,072,293,690	-
- Nguyên liệu, vật liệu	99,410,900	-	11,488,786,749	-
- Công cụ, dụng cụ	2,436,364	-	32,436,364	-
- Chi phí SX, KD dở dang	42,898,914,739	-	136,526,928,975	64,318,133,321
- Thành phẩm	52,886,080	-	92,886,080	-
- Hàng hóa	-	-	2,031,817,685	-
- Hàng gửi bán	4,857,015,030	-	118,519,295	-
Cộng	47,910,663,113	-	155,363,668,838	64,318,133,321

7- Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

- Mua sắm

- XDCB

Dự án khu đô thị MECO - CITY

Cộng

	Cuối kỳ	Đầu năm
	-	614,138,517
	-	107,304,540
	-	107,304,540
	-	721,443,057

8- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1,556,508,000	82,009,888,512	11,724,475,094	367,020,922	95,657,892,528
- Mua trong kỳ	-	-	54,545,455	-	54,545,455
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1,796,330,000)	(4,744,036,501)	-	(6,540,366,501)
Số dư cuối kỳ	1,556,508,000	80,213,558,512	7,034,984,048	367,020,922	89,172,071,482
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1,556,508,000	66,045,553,209	11,724,475,094	367,020,922	79,693,557,225
- Khấu hao trong kỳ	1,400,719,648	2,194,074,248	-	-	3,594,793,896
- Thanh lý, nhượng bán	-	(249,490,280)	(4,689,491,046)	-	(4,938,981,326)
- Giảm khác	(1,400,719,648)	-	-	-	(1,400,719,648)
Số dư cuối kỳ	1,556,508,000	67,990,137,177	7,034,984,048	367,020,922	76,948,650,147
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	-	15,964,335,303	-	-	15,964,335,303
- Tại ngày cuối kỳ	-	12,223,421,335	-	-	12,223,421,335

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BÁT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

62,032,848,185

10- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá	132,036,029,974			132,036,029,974
- Nhà	123,892,092,623			123,892,092,623
- Cơ sở hạ tầng	8,143,937,351			8,143,937,351
Giá trị hao mòn lũy kế	25,934,228,340	2,749,014,772		28,683,243,112
- Nhà	19,202,586,444	2,583,341,503		21,785,927,947
- Cơ sở hạ tầng	6,731,641,896	165,673,269		6,897,315,165
Giá trị còn lại	106,101,801,634			103,352,786,862
- Nhà	104,689,506,179			102,106,164,676
- Cơ sở hạ tầng	1,412,295,455			1,246,622,186

- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá

5,749,910,679

9- Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng

Cộng

Cuối kỳ

Đầu năm

126,758,334

46,535,832

126,758,334

46,535,832

10- Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
a) Vay ngắn hạn	320,640,000	320,640,000	17,050,000,000	24,514,923,576	7,785,563,576	7,785,563,576
Ông Nguyễn Ngọc Bình			14,700,000,000	16,200,000,000	1,500,000,000	1,500,000,000
Vay ngắn hạn khác	320,640,000	320,640,000	2,350,000,000	8,314,923,576	6,285,563,576	6,285,563,576
b) Vay dài hạn			22,820,000,000	38,545,305,071	15,725,305,071	15,725,305,071
Từ 1 đến 5 năm			22,820,000,000	38,545,305,071	15,725,305,071	15,725,305,071
Ông Nguyễn Ngọc Bình			22,820,000,000	38,545,305,071	15,725,305,071	15,725,305,071
Cộng	320,640,000	320,640,000	39,870,000,000	63,060,228,647	23,510,868,647	23,510,868,647

11- Phải trả người bán

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	65,634,717,283	65,634,717,283	105,605,676,724	105,605,676,724
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	16,181,725,241	16,181,725,241	93,938,920,889	93,938,920,889
Công ty CP Xây dựng MCG				
Phải trả tiền khối lượng thi công	6,565,210,086	6,565,210,086	70,918,999,441	70,918,999,441
Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO				
Phải trả tiền mua vật tư	3,770,513,396	3,770,513,396	6,270,513,396	6,270,513,396
Công ty CP Thủy điện Khánh Khê				
Phải trả tiền mua vật tư			3,052,995,916	3,052,995,916
Công ty CP thiết bị phụ tùng cơ điện				
Phải trả tiền mua vật tư	5,220,036,449	5,220,036,449	10,770,036,450	10,770,036,450
Công ty CP xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn				
Phải trả tiền khối lượng thi công	625,965,310	625,965,310	2,926,375,686	2,926,375,686
Cộng	81,816,442,524	81,816,442,524	199,544,597,613	199,544,597,613

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối kỳ
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	6,603,112,674	657,965,240	6,484,246,809	776,831,105
- Thuế TNDN	9,299,766,573	3,975,853	9,299,766,573	3,975,853
- Thuế TNCN	69,358,983	426,490,147	102,829,495	393,019,635
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	140,953,911	233,795,972	233,795,972	140,953,911
- Các loại thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	22,540,055,894	770,856,603	6,627,543,897	16,683,368,600

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Cộng 38,653,248,035 2,093,083,815 22,748,182,746 17,998,149,104

13- Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn	37,695,182,499	40,735,668,862
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		5,450,222,484
- Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chi phí lãi vay phải trả		5,450,222,484
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	37,695,182,499	35,285,446,378
- Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng		470,130,588
- Lãi trái phiếu phải trả	75,242,000	75,242,000
- Chi phí công trình	35,999,540,226	33,119,673,517
- Chi phí hỗ trợ đi dời	1,620,400,273	1,620,400,273
Cộng	37,695,182,499	40,735,668,862

14- Phải trả khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	169,692,009	280,502,147
- Bảo hiểm xã hội	761,783,124	764,056,776
- Phải trả về cổ phần hoá	252,180,000	252,180,000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20,941,563	142,428,797
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	87,848,300	87,848,300
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	83,276,916,883	91,579,411,380
Cộng	90,379,546,417	93,106,427,400
b) Dài hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	152,000,000,000	215,000,000,000
Cộng	152,000,000,000	215,000,000,000

15- Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của	Thặng dư	Quỹ đầu tư	Cổ phiếu	LNST chưa	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	(336,642,269,076)	226,809,340,514
- Lãi trong năm trước					(1,462,587,672)	(1,462,587,672)
Số dư cuối năm trước đầu năm nay	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	(338,104,856,748)	225,346,752,842
Số dư đầu năm nay	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	(338,104,856,748)	225,346,752,842
- Lãi (lỗ) trong kỳ					(36,200,565,588)	(36,200,565,588)
Số dư cuối kỳ	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	(374,305,422,336)	189,146,187,254

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vốn góp của các đối tượng khác	575,100,000,000	575,100,000,000
Cộng	575,100,000,000	575,100,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	575,100,000,000	575,100,000,000
+ Vốn góp cuối năm	575,100,000,000	575,100,000,000

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57,510,000	57,510,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57,510,000	57,510,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	57,510,000	57,510,000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	5,460,000	5,460,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5,460,000	5,460,000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52,050,000	52,050,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	52,050,000	52,050,000

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	28,817,258,755	28,817,258,755

17- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a) Ngoại tệ các loại

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đô la Mỹ (USD)		306.05
Đồng Euro (EUR)		295.38

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
 Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

b) Nợ khó đòi đã xử lý:

287,961,634,457 184,051,396,602

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
	Q4/2021	Q4/2020
1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng		53,257,000
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	38,230,685,088	17,654,756,362
- Doanh thu hoạt động kinh doanh BĐS	1,562,609,850	
- Doanh thu khác	5,698,348,574	6,608,307,349
Cộng	45,491,643,512	24,316,320,711
2- Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	Q4/2021	Q4/2020
Trong đó: Giá vốn trích trước của hàng hóa bất động sản bao gồm:		3,480,164
- Giá vốn hoạt động xây dựng	32,606,650,226	14,382,301,392
- Giá vốn hoạt động kinh doanh BĐS	1,542,730,586	
- Giá vốn khác	4,502,684,992	5,128,614,980
Cộng	38,652,065,804	19,514,396,536
3- Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	Q4/2021	Q4/2020
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,683,724	259,734,571
Cộng	2,683,724	10,003,500
4- Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	Q4/2021	Q4/2020
- Lỗ chênh lệch tỷ giá		154,902,966
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	12,417,986,930	(9,073,426)
- Chi phí tài chính khác	(763,566)	(10,552,168)
Cộng	12,417,223,364	8,885,145,936
5- Thu nhập khác		
- Các khoản khác	Q4/2021	Q4/2020
Cộng	14,046,400,182	1,450,936,261
6- Chi phí khác		
- Các khoản phạt chậm nộp thuế	Q4/2021	Q4/2020
- Chi phí khác		659,798,845
- Các khoản khác	25,659,743	41,353,280
Cộng	26,612,827,031	701,152,125
7- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	Q4/2021	Q4/2020
- Chi phí cho nhân viên	1,175,883,363	1,454,150,034
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	85,119,439	100,596,383
- Chi phí đồ dùng văn phòng	26,294,583	98,930,567
- Chi phí khấu hao TSCĐ		1,035,793
- Thuế phí và lệ phí	50,000	66,000
- Chi phí dự phòng	(672,145,241)	(30,000,000)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	366,969,435	290,959,163
- Chi phí bằng tiền khác	44,830,914	42,980,069
Cộng	1,027,002,493	1,958,718,009
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(672,145,241)	
8- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	Q4/2021	Q4/2020
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2,472,155,383	8,899,773,878
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,594,793,896	2,550,939,951
- Chi phí dự phòng	8,468,037,352	10,668,716,275
- Chi phí khác	(672,145,241)	(130,000,000)
	(746,191,764)	15,514,659,829

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Cộng

	13,116,649,626	37,504,089,933
	Q4/2021	Q4/2020
9- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(19,194,051,017)	(5,022,417,563)
Trong đó		
+ Hoạt động kinh doanh bất động sản	19,879,264	
+ Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	(19,213,930,281)	(5,022,417,563)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	(312,560,307,202)	(321,964,673,348)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	26,602,337,312	795,417,587
<i>Các khoản phạt thuế</i>		650,373,587
<i>Thu lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành</i>		145,044,000
<i>Các khoản khác không đối chiếu, kiểm kê được</i>		
+ Các khoản điều chỉnh giảm	26,602,337,312	
<i>Cổ tức được nhận</i>	(339,162,644,514)	(322,760,090,935)
<i>Lỗi từ các năm trước chuyển sang</i>		10,003,500
- Tổng thu nhập chịu thuế	(339,162,644,514)	(322,770,094,435)
Trong đó:	(331,754,358,219)	(326,987,090,911)
<i>Hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		19,879,264
<i>Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác</i>		
- Thuế suất thuế TNDN	(331,774,237,483)	(326,987,090,911)
- Thuế TNDN phải nộp	20%	20%
	3,975,853	

VII- Những thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

I. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:

- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	Kỳ này
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	39,870,000,000
VIII. Những thông tin khác	63,060,228,647

I- Thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Q4/2021	Q4/2020
Tiền lương	502,075,050	781,674,145
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Thành viên trực tiếp điều hành:</i>		
+ Ban điều hành:	502,075,050	636,630,145
<i>Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT</i>	361,806,514	484,485,271
<i>Trần Hải Anh - Tổng giám đốc (đã miễn nhiệm)</i>	117,963,000	117,963,000
<i>Nguyễn Ngọc Hưng - Tổng giám đốc</i>		145,792,412
<i>Nguyễn Thị Phương Ngọc - Phó tổng giám đốc</i>	90,360,000	134,857,688
<i>Phạm Thị Chinh Lương - Kế toán trưởng</i>	79,939,800	9,000,000
	73,543,714	76,872,171
+ Ban kiểm soát:		
<i>Hoàng Mạnh Tuấn - Trưởng ban kiểm soát</i>	140,268,536	152,144,874
<i>Hoàng Thị Kim Anh - Thành viên</i>	50,015,164	45,088,684
<i>Đình Thị Vân - Thành viên</i>	56,054,672	72,371,290
	34,198,700	34,684,900
- <i>Thành viên HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành:</i>		
+ Thành viên HĐQT:		145,044,000
<i>Nguyễn Văn Huyền (Phó tổng giám đốc kiêm TV HĐQT)</i>		99,540,000
<i>Đỗ Quang Tuấn (TV HĐQT)</i>		56,880,000
		42,660,000
+ Ban kiểm soát:		
<i>Nghiêm Thị Mai Hoa (Trưởng ban kiểm soát đã miễn nhiệm)</i>		45,504,000
<i>Nguyễn Tiến Hiền (TV BKS đã miễn nhiệm)</i>		28,440,000
		17,064,000
Cộng	502,075,050	781,674,145

Giao dịch phát sinh trong kỳ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Kỳ này</u>
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	63,000,000,000
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT	Cho Công ty vay trong kỳ	12,850,000,000

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Tổng giám đốc

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan được trình bày tại các thuyết minh số V.4, V.10, V.13

Tiền vay đã trả trong kỳ

26,945,527,555

Hoàn ứng

4,148,210,000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty CP Khoáng sản MECO

Công ty con

Công ty CP Cơ khí Văn Lâm

Công ty con

Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha

Công ty liên kết

Công ty CP XD Thủy lợi Meco Sài Gòn

Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Công ty CP Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam

Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Công ty CP thiết bị phụ tùng Cơ điện

Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Công ty CP thủy điện Khánh Khê

Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Công ty CP đầu tư và phát triển điện Meco

Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Công ty CP năng lượng tái tạo Bình Long

Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Công ty CP Xây dựng MCG

Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với bên liên quan khác như sau:

Kỳ này

Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha

Phải thu về tiền điện, cho thuê mặt bằng

1,890,954

Phải thu tiền khối lượng thi công

11,353,370,558

Chi hệ tiền lương, bảo hiểm

241,525,635

Thu lại tiền lương, bảo hiểm chi hệ

191,847,189

Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn

Thanh toán khối lượng thi công, thanh toán khác

147,780,280

Công ty CP thiết bị phụ tùng cơ điện

Thanh toán tiền mua vật tư

5,550,000,000

Công ty CP Xây dựng MCG

Thanh toán khối lượng thi công Nậm Hóa 1, Bàn Mòng, Bình Long

10,279,426,987

Phải thu tiền lương, bảo hiểm, khác

35,204,559

Thanh toán khối lượng thi công DA 102

26,365,186,656

Phải trả về khối lượng thi công Nậm Hóa 1, Bàn Mòng, Bình Long

2,860,821,532

Phải trả khác

540,000,000

Thanh toán phải trả khác

4,993,648,700

Thu tiền điện nước, chi hệ khác, thu khác

141,949,384,753

Công ty CP Cơ khí Văn Lâm

Phải thu về tiền thuê nhà xưởng

1,457,633,121

Phải thu về cho vay

2,094,000,000

Phải thu khác

12,126,933

Thu tiền cho vay; tiền thuê nhà xưởng

4,212,995,916

Công ty CP Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam

Phải thu tiền điện, nước, thuê mặt bằng

226,514,299

Thanh toán tiền thuê mặt bằng, điện nước

42,497,561,646

Thanh toán tiền đặt cọc

215,000,000,000

Thu tiền đặt cọc hợp tác kinh doanh thuê mặt bằng

152,000,000,000

Công ty CP Đầu tư và phát triển điện Meco

Thanh toán tiền mua vật tư

2,500,000,000

Công ty CP thủy điện Khánh Khê

Thu tiền nợ bảo hiểm

21,427,500

Phải thu tiền bảo hiểm

14,382,462

Thanh toán tiền vật tư, thanh toán khác

3,090,363,045

Công ty CP năng lượng tái tạo Bình Long

Phải thu về khối lượng thi công Công trình Bình Long

5,093,793,070

Thu tiền thi công Công trình Bình Long

2,677,908,572

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
 Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Tại ngày kết thúc quý, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Đầu tư thủy điện An pha		
Phải thu về tiền điện, cho thuê mặt bằng	15,109,856	
Phải thu về tiền khối lượng thi công	23,033,873,592	10,545,165,978
Phải thu về tiền lương chi hộ	5,522,510	
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện MECO		
Phải thu về khối lượng thi công	715,682,068	715,682,068
Phải thu về thanh lý tài sản XDCBDD	210,000,000	210,000,000
Công ty CP Xây dựng MCG		
Ứng trước tiền thi công dự án, Bản Mòng, Bình Long	133,164,000	133,164,000
Phải thu khác		141,780,800,000
Công ty CP quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam		
Phải thu về tiền điện nước		
Phải thu về tiền thuê mặt bằng	107,531,002	65,013,144
		30,811,983,913
Công ty CP thủy điện Khánh Khê		
Phải thu khác	1,500,000,000	1,500,000,000
Công ty CP Cơ khí Văn Lâm		
Phải thu về tiền thuê nhà xưởng và các khoản khác	18,413,365,541	18,542,503,067
Ứng trước tiền thi công	1,000,000,000	1,000,000,000
Phải thu về tiền cho vay	7,315,803,868	700,663,090
Phải thu khác (Lương, bảo hiểm chi hộ)	120,365,437	69,676,256
Cộng nợ phải thu	52,570,417,874	206,074,651,516
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO		
Phải trả tiền vật tư	3,770,513,396	6,270,513,396
Ứng trước tiền thi nghiệm Suối Choang	55,000,000	55,000,000
Công ty CP Xây dựng MCG		
Phải trả tiền thi công dự án 102, Nậm Hóa 1, Bản Mòng	6,565,210,086	70,918,999,441
Phải trả khác	197,083,300	
Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn		
Ứng trước tiền hàng		9,900,149
Phải trả tiền thi công		2,926,375,686
Phải trả khác	625,965,310	137,469,755
Công ty CP thủy điện Khánh Khê		
Ứng trước tiền thi công		
Phải trả tiền vật tư	1,972,261,766	1,972,261,766
Phải trả khác	13,158,919	3,052,995,916
		50,526,048
Công ty CP thiết bị phụ tùng cơ điện		
Phải trả tiền vật tư	5,220,036,449	10,770,036,450
Công ty CP quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam		
Phải trả khác	152,000,000,000	215,000,000,000
Công ty CP năng lượng tái tạo Bình Long		
Ứng trước tiền thi công công trình Bình Long	8,232,173,251	
Cộng nợ phải trả	178,651,402,477	311,164,078,607

2- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp
- Lĩnh vực Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực Kinh doanh Bất động sản
- Lĩnh vực Kinh doanh dịch vụ khác

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ

Kỳ này	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38,230,685,088		1,562,609,850	5,698,348,574	45,491,643,512
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ					
Tổng DTT về bán hàng và cung cấp	38,230,685,088		1,562,609,850	5,698,348,574	45,491,643,512
Chi phí bộ phận	32,606,650,226		1,542,730,586	5,529,687,485	39,679,068,297
KQKD theo bộ phận	5,624,034,862		19,879,264	168,661,089	5,812,575,215
CP không phân bổ theo bộ phận					
Lợi nhuận từ hoạt động KD					5,812,575,215
Doanh thu hoạt động tài chính					2,683,724
Chi phí tài chính					12,417,223,364
Thu nhập khác					14,046,400,182
Chi phí khác					26,638,486,774
Chi phí thuế TNDN hiện hành					3,975,853
Lợi nhuận sau thuế TNDN					(19,198,026,870)
Tổng CP phát sinh mua TSCĐ và các					(666,897,602)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ CP					3,594,793,896

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Số cuối năm	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
Tài sản phân bổ cho bộ phận	31,667,506,214	295,959,461,121	290,540,780,060	(25,669,905,019)	592,497,842,376
Tổng tài sản	31,667,506,214	295,959,461,121	290,540,780,060	(25,669,905,019)	592,497,842,376
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	290,794,021,459	85,558,195,400	14,765,697,874	12,233,740,389	403,351,655,122
Tổng nợ phải trả	290,794,021,459	85,558,195,400	14,765,697,874	12,233,740,389	403,351,655,122
Số đầu năm					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	202,236,953,062	296,012,718,121	288,978,170,210	112,932,434,484	900,160,275,877
Tổng tài sản	202,236,953,062	296,012,718,121	288,978,170,210	112,932,434,484	900,160,275,877
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	521,631,551,797	85,558,195,400	17,953,471,871	49,670,303,967	674,813,523,035
Tổng nợ phải trả	521,631,551,797	85,558,195,400	17,953,471,871	49,670,303,967	674,813,523,035

3- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)

a) Số liệu so sánh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được trình bày lại như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10,933,041,096	(10,933,041,096)		(i)
Phải thu ngắn hạn	131	234,675,156,524	3,681,231,883	238,356,388,407	(ii)
Phải thu ngắn hạn khác	136	249,231,606,328	55,667,028,020	304,898,634,348	(iii)
Hàng tồn kho	141	202,294,469,051	(46,930,800,213)	155,363,668,838	(iv)
Tài sản cố định hữu hình	221	122,066,136,937	(106,101,801,634)	15,964,335,303	(v)
- Nguyên giá	222	227,693,922,502	(132,036,029,974)	95,657,892,528	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(105,627,785,565)	25,934,228,340	(79,693,557,225)	
Bất động sản đầu tư	230		106,101,801,634	106,101,801,634	(vi)
- Nguyên giá	231		132,036,029,974	132,036,029,974	
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(25,934,228,340)	(25,934,228,340)	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(18,011,323,217)	(6,602,207,076)	(24,613,530,293)	(vii)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà	313	16,941,989,528	21,711,258,507	38,653,248,035	(vii)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(311,275,809,759)	(26,829,046,989)	(338,104,856,748)	

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Báo cáo kết quả hoạt động kinh

Doanh thu bán hàng và cung cấp	01	23,396,012,741	920,307,970	24,316,320,711 (viii)
Giá vốn hàng bán	11	18,904,832,305	609,564,231	19,514,396,536 (ix)
Chi phí tài chính	22	2,298,346,398	6,586,799,538	8,885,145,936
Chi phí lãi vay	23	158,642,736	(3,739,770)	154,902,966
Chi phí khác	32	27,454,000	673,698,125	701,152,125 (x)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1,927,336,361	(6,949,753,924)	(5,022,417,563)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	1,927,336,361	(6,949,753,924)	(5,022,417,563)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Lợi nhuận trước thuế	01	5,753,735,517	(7,216,323,189)	(1,462,587,672)
Chi phí lãi vay	06	534,385,302	(15,407,538)	518,977,764
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	227,403,643,074	(47,918,059,113)	179,485,583,961 (viii);
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5,843,807,686	46,930,800,213	52,774,607,899
Tăng giảm các khoản phải trả	11	(35,246,520,380)	1,601,375,013	(33,645,145,367) (x)
Tiền lãi vay đã trả	14	(485,582,954)	15,407,538	(470,175,416)

b) Các điều chỉnh bao gồm:

Nội dung

Nội dung	Số tiền
(i) Phân loại lại khoản đầu tư ủy quyền cá nhân gửi tiền có kỳ hạn sang phải thu khác	(10,933,041,096)
(ii) Hạch toán bổ sung phải thu cho thuê nhà xưởng Văn Lâm	3,681,231,883
(iii) Bổ sung ủy quyền đầu tư cá nhân (10,933,041,096 đồng); khoản phải thu dự án Dương Nội (46,930,800,213 đồng); giảm phải thu khác Văn Lâm (-2,196,813,289 đồng)	55,667,028,020
(iv) Phân loại lại khoản ủy quyền đầu tư dở dang sang phải thu khác	(46,930,800,213)
(v) Phân loại lại tài sản cố định sang bất động sản đầu tư	(106,101,801,634)
(vi) Phân loại lại tài sản cố định sang bất động sản đầu tư	106,101,801,634
(vii) Bổ sung khoản phải nộp ngân sách nhà nước	21,711,258,507
(viii) Bổ sung doanh thu cho thuê nhà xưởng Văn Lâm năm 2020	920,307,970
(ix) Bổ sung giá vốn cho thuê nhà xưởng Văn Lâm năm 2020	609,564,231
(x) Bổ sung chi phí chậm nộp thuế năm 2020	673,698,125

6- Thông tin về hoạt động liên tục

4- Những thông tin khác:

Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh

Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam xin giải trình biến động kết quả kinh doanh của Công ty trong quý 4 năm 2021:

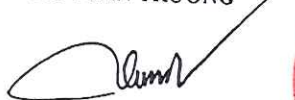
Doanh thu quý này tăng so với cùng kỳ năm trước, do đẩy nhanh tiến độ thi công cũng như nghiệm thu thanh toán các công trình. Tuy nhiên, dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết lớn vì kinh doanh bị lỗ, cũng như phải trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi lâu năm dẫn đến lợi nhuận sụt giảm so với cùng kỳ năm trước.

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KÊ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

